

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2013/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 6 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thành, thị áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*Danh mục từng thủ tục hành chính kèm theo*).

Trong quá trình thực hiện, nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ nội dung các thủ tục hành chính đã quy định trong Quyết định này, UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm rà soát, phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế phần danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thành, thị tại Quyết định số: 1565/2007/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết công việc của tổ chức, công dân tại các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành, thị; UBND xã, phường, thị trấn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL, Cục KSTTHC);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp;
- CVP, PCVPTH;
- TTCB và TH, NCTH;
- Lưu: VT, KSTTHC, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Chu Ngọc Anh**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

*(Kèm theo Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA UBND CẤP HUYỆN**

<b>STT</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>TRANG</b>
	<b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>	
1	Gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp.	6
2	Chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp phải xin phép	10
3	Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất trong phạm vi 01 đơn vị hành chính cấp huyện.	14
4	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận quyền sử dụng đất theo kết quả hoà giải thành về tranh chấp đất đai được UBND cấp có thẩm quyền công nhận; thoả thuận trong hợp đồng thế chấp, bảo lãnh để xử lý nợ; quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại tố cáo về đất đai; quyết định hoặc bản án của toà án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án; văn bản về việc chia tách về quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật đối với hộ gia đình hoặc nhóm người có quyền sử dụng đất chung.	16
5	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người khác.	18
6	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất.	24
7	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất .	28
8	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp.	30
9	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tăng cao, kết cấu chính,	35

	cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây.	
10	Xóa đăng ký thế chấp.	40
11	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp.	45
	<b>LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN</b>	
12	Cấp Giấy phép cho hộ gia đình, cá nhân khai thác đất san đắp nền công trình.	50
	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>	
13	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.	52
14	Đề nghị phê duyệt Dự án cải tạo phục hồi môi trường (CTPHMT).	63
15	Đề nghị phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường (CTPHMT) bổ sung.	73
	<b>LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>	
16	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án từ có tổng mức đầu tư không quá 5 tỷ).	77
17	Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu.	82
18	Đăng ký thành lập hợp tác xã.	89
19	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã.	106
20	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã (Trường hợp hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện khác với huyện đặt trụ sở chính nhưng trong địa bàn tỉnh).	123
21	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã (Trường hợp hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính).	126
22	Đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Hợp tác xã.	129
23	Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã.	132

24	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh.	135
25	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Hợp tác xã khi chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang tỉnh khác.	138
26	Đăng ký đổi tên Hợp tác xã.	141
27	Đăng ký thay đổi số lượng xã viên Hợp tác xã.	144
28	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã.	147
29	Đăng ký thay đổi danh sách Ban Quản trị Hợp tác xã.	150
30	Đăng ký thay đổi Ban Kiểm soát Hợp tác xã.	153
31	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ Hợp tác xã .	156
32	Đăng ký Điều lệ Hợp tác xã sửa đổi.	159
33	Đăng ký kinh doanh khi Hợp tác xã chia.	162
34	Đăng ký kinh doanh khi Hợp tác xã tách.	177
35	Đăng ký kinh doanh khi Hợp tác xã hợp nhất.	192
36	Đăng ký kinh doanh khi Hợp tác xã sáp nhập.	207
37	Thông báo tạm ngừng kinh doanh của Hợp tác xã.	221
38	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã (đối với trường hợp Hợp tác xã giải thể tự nguyện).	222
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (Khi mất).	224
40	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã (Bị hư hỏng).	226
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (Khi mất).	228

42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, văn phòng đại diện của Hợp tác xã (Bị hư hỏng).	230
<b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b>		
43	Cấp Giấy phép xây dựng đối với nhà ở đô thị.	232
44	Cấp Giấy phép xây dựng tạm đối với nhà ở đô thị.	235
45	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với nhà ở đô thị.	238
46	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với nhà ở đô thị.	240
47	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.	242
48	Thẩm định điều chỉnh, bổ sung thiết kế xây dựng công trình.	246
<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>		
49	Chấp thuận mở bến khách ngang sông.	248
50	Cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.	251
51	Cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua bến.	257
<b>LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG</b>		
52	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ ( hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá.	260
53	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá.	263
54	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ ( hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	265
55	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá do hết thời hạn hiệu lực.	267
56	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	270
57	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	273
58	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do hết thời hạn hiệu lực.	276

59	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	279
60	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.	282
61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.	286
62	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực.	290
63	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	294

*(Ấn định trong tập I Danh mục này có 63 thủ tục hành chính)*